

Số: 97/ BC- MNDL

Diễn Lợi, ngày 05 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường MN Diễn Lợi đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: Trường Mầm non Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Trụ sở chính: Xóm 3, xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0984889491
- Email: mndienloi.dc@nghean.edu.vn
- Website: <http://mndienloi.dienchau.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan chủ quản: UBND huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

1. Sứ mệnh: Trường MN Diễn Lợi tạo dựng: Môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn; tạo cơ hội cho học sinh phát triển toàn diện về trí tuệ, năng lực, phẩm chất. Giữ vững Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tiến tới phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng trường học hạnh phúc - lấy trẻ làm trung tâm.

2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

3. Giá trị cốt lõi: Trách nhiệm, tôn trọng, trung thực, yêu thương, chia sẻ.

4. Mục tiêu giáo dục mầm non:

- Thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.
- Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ,

thăm mý, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập năm 1961 với tên gọi là Nhà trẻ mẫu giáo. Những năm trước đây các nhóm trẻ và lớp học mẫu giáo nằm rải rác ở các thôn xóm. Năm 1995 sát nhập nhà trẻ và mẫu giáo đổi tên gọi là Trường Mầm non Diễn Lợi đóng trên địa bàn xóm 3- xã Diễn Lợi. Năm 2010 được huyện ra quyết định thành lập trường mầm non bán công theo Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số: 1012/QĐ- UBND ngày 10/6/2011. Năm học 2023-2024 trường được công nhận KĐCL cấp độ 3 và Chuẩn Quốc Gia mức độ 2. Năm học 2023-2024, trường có 11 lớp với 39 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 435 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Bà: Cao Thị Thu Minh, Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3, Diễn Lợi, Diễn Châu, Nghệ An

Số điện thoại: 0984889491

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép hoạt động giáo dục:

Trường MN Diễn Lợi được thành lập 1961. Tháng 01/2010 được UBND Huyện Diễn Châu ra Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010, thành lập trường mầm non bán công. Từ tháng 6/2011 trường được chuyển đổi thành trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động theo Quyết định số 1012/QĐ- UBND ngày 10/6/2011 của UBND Huyện Diễn Châu.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được kiện toàn theo Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND huyện Diễn Châu.

- Danh sách hội đồng trường gồm 9 thành viên:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Nhiệm vụ trong HĐT
1	Cao Thị Thu Minh	23/04/1979	BTCB, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Lê Thị Chung	10/03/1980	Phó Hiệu trưởng	P. chủ tịch HĐ
3	Trịnh Thị Thảo	02/09/1988	GV - BCHCD	Thư ký

4	Cao Thị Thuận	01/02/1985	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Trần Thị Thúy Hằng	12/02/1976	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
6	Đặng Thị Ân	19/09/1989	Tổ trưởng CM MG	Thành viên
7	Lê Thị Thanh Phú	20/01/1976	Tổ trưởng CM NT	Thành viên
8	Trần Văn Năm	15/06/1981	PCT UBND xã	Thành viên
9	Lê Trung Tiến	20/01/1961	Ban ĐDCMHS	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

1. Hiệu trưởng: Cao Thị Thu Minh

+ Ngày tháng năm sinh: 23/04/1979

+ Bổ nhiệm, luân chuyển chức vụ Hiệu trưởng trường MN Diễn Lợi ngày 14/8/2023 theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện Diên Châu.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 1 năm 2 tháng

2. Phó hiệu trưởng: Lê Thị Chung

+ Ngày tháng năm sinh: 10/3/1980

+ Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng MN Diễn Lợi vào ngày 21/8/2023 theo quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của ủy ban nhân huyện Diên Châu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 10 năm 2 tháng

3. Phó hiệu trưởng: Cao Thị Thuận

+ Ngày tháng năm sinh: 01/02/1985

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng MN Diễn Lợi vào ngày 12/8/2022 theo quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của ủy ban nhân huyện Diên Châu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 2 năm 2 tháng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường MN Diễn Lợi:

+ Xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá học sinh, quyết định khen thưởng học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong CSGD trẻ

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 23 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 29 công đoàn viên.

+ Ban đại diện CMHS có 39 người

+ Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn (Tổ CM nhà trẻ và Tổ CMMG) và 1 bộ phận văn phòng

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Cao Thị Thu Minh	Hiệu trưởng	0984889491	thuminhdientho@gmail.com

2	Lê Thị Chung	P.Hiệu trưởng	0327535203	chungthongtu@gmail.com
3	Cao Thị Thuận	P.Hiệu trưởng	0973544636	thuanhuy84@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3 xã Diễn Lợi, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 145/KHCL-TrMN ngày 03/11/2020 của trường mầm non Diễn Lợi về kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 và Kế hoạch số 121/KHCL-TrMN ngày 30/9/2023 về việc bổ sung kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 trong năm 2023-2024;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHẬN VIÊN

1. Số biên chế được UBND huyện Diên Châu giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1
Phó Hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2
Giáo viên	24	24	0	0	4	20
Nhân viên	2	2	0	0	1	1
Cộng	29	29	0	0	5	24

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, CBQL và NV năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	27		1	22	4	1			8	19	27	0	0	0
I	Giáo viên	22			20	2	0			6	16	3	32	0	0
1	Nhà trẻ	4			3	1	0		0	2	2		1		
2	Mẫu giáo	18			17	1	0		0	4	14	4	30		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			

2	Phó hiệu trưởng	2			2					2	2			
III	Nhân viên	2			1		1							
1	Nhân viên kế toán	1			1									
2	Nhân viên y tế kiêm GV	1					1							

III. CỞ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	21	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5.656.9m²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1700 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1532	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	2300,5m ²	1,6 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	156m ²	0,4m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	483	0,6m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	67,5m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	67,5m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	126 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...).	13	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12m ²	13	13	12m ²	0,4m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

*Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục và kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT, ngày 22/8/ 2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc Gia đối với trường mầm non.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-

Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Cộng		25	25	19

Kết quả:

- Trường được SGD&ĐT Nghệ An công nhận Trường đạt KDCL cấp độ 3 theo QĐ số 1289/QĐ-SGD&ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2023
- Trường được UBND Tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo QĐ số 2713/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được kênh A	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được kênh A
II	Chương trình của giáo dục mầm non mà nhà trường thực hiện	Chương trình của giáo dục mầm non	Chương trình của giáo dục mầm non
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	Phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội	Phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non	- Khẩu phần dinh dưỡng đạt 50-60 % calo - Dư cân, béo phì hạn chế -Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 2% thể nhẹ cân và thấp còi	- Khẩu phần dinh dưỡng đạt 50-60 % calo - Dư cân, béo phì hạn chế - Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 2% thể nhẹ cân và thấp còi

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế tháng 9 năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	398	0	0	48	110	103	137
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	398	0	0	48	110	103	137
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	398	0	0	48	110	103	137
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	398	0	0	48	110	103	137

IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	398	0	0	48	110	103	137
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	384			48	108	97	131
2	Số trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân	11				2	5	4
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	378			47	103	96	132
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	16				7	5	4
5	Số trẻ em béo phì	2				0	0	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	398			48	110	103	137
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	48			48			
d	Chương trình giáo dục mẫu giáo	350				110	103	137

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Công khai các khoản thu năm học 2023-2024

A	Ngân sách nhà nước (trong đó)	4,164,150,000	2,042,088,143	2,122,061,857
1	Chi lương và các khoản đóng góp	3,829,000,000		
2	Nguồn thường xuyên chi khác	275,000,000		
4	Nguồn chế độ chính sách cho học sinh	60,150,000		
	PHẦN CHI			
1	CHI LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP		1,875,657,000	1,953,343,000
1.1	CHI RÚT LƯƠNG		1,444,845,000	
2.2	CHI BẢO HIỂM		405,386,000	
3	NẠP ĐOÀN PHÍ CÔNG ĐOÀN		25,426,000	
4	CHI THƯỜNG XUYỀN CHI KHÁC		134,431,143	140,568,857
6	CHI CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO HS		32,000,000	28,150,000
1	Chi trả tiền chi phí học tập, tiền ăn cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo Từ T1-5/2024		24,250,000	
2	Chi Miễn giảm học phí cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo Từ T1-5/2024		7,750,000	
C	Nguồn thu từ học phí	375,125,000		
1	Thu học phí năm học 2023-2024	360,175,000		
3	Thu tiền cấp bù học phí từ nguồn NS năm học 2023-2024	14,950,000		

	CHI TỪ NGUỒN HỌC PHÍ		331,093,013	
I	Chi lương từ nguồn học phí T9/2023 - 08/2024		156,640,000	
II	Chi tăng cường CSVN, hoạt động TX		174,453,013	
	Chi	375,125,000	331,093,013	44,031,987
C	Thu từ nguồn tài trợ GD	180,430,911		
	Số dư Tiền gửi mang sang	1,882,000		
	Thu năm học 2023 - 2024	178,548,911		
	CHI NGUỒN TÀI TRỢ GIÁO DỤC			
	Chi	180,430,911	180,430,911	-
D	Thu từ nguồn chi phí bán trú	425,054,000		
1	Thu chi phí bán trú năm học 2023-2024	425,054,000		
	Chi tiền chi phí bán trú			
	Chi	425,054,000	425,054,000	-
E	Thu tiền CSSKBD	16,486,318		
1	Thu tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2024	16,486,318		
	Chi tiền CSSKBD			
1	Khám sức khỏe cho trẻ		6,525,000	
2	CK mua sổ sức khỏe		1,507,500	
3	Thuốc y tế		2,104,000	
4	Giường y tế		2,530,000	
5	Cân và đo		2,145,000	
6	Vật tư y tế		1,674,818	
	Tổng	16,486,318	16,486,318	
G	Thu tiền Hội phụ huynh	20,230,000		
1	Thu năm học 2023-2024	20,230,000		
	Chi hoạt động hội	20,230,000	20,230,000	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Đối với giáo viên:

- Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện: Cô Cao Thị Linh, Trịnh Thị Thảo
- SKKN năm học 2023 -2024 cấp huyện: có 6 người đạt bậc 3 cấp cơ sở (Cô Cao Thị Thu Minh, Lê Thị Chung, Cao Thị Thuận, Cao Thị Linh, Trịnh Thị Thảo, Nguyễn Thị Thanh Lam)
- CSTĐCS:5 người (Cô Lê Thị Chung, Cao Thị Linh, Trịnh Thị Thảo, Nguyễn Thị Thanh Lam, Nguyễn Thị Thu Hưng)
- Giấy khen UBND Huyện: 2 người Cô Lê Thị Thanh Phú, Đặng Thị Ân)

2. Đối với trẻ:

- Kết quả đánh giá cuối độ tuổi cụ thể:

+ Nhà trẻ: Lĩnh vực phát triển thể chất: 47/52 tỉ lệ 90,4%; Lĩnh vực phát triển nhận thức: 44/52 tỉ lệ: 84,6%; Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 45/52 tỉ lệ 86,5%; Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội: 43/52 tỉ lệ 82,7%;

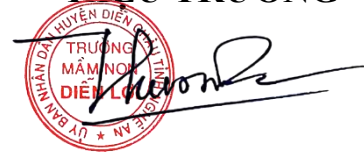
+ Mẫu giáo: Lĩnh vực phát triển thể chất: 393/416 tỉ lệ 94,5%; Lĩnh vực phát triển nhận thức: 391/416 tỉ lệ: 94%; Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 391/416 tỉ lệ: 94%; Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 392/416 tỉ lệ: 94,2%; Lĩnh vực phát triển TC-XH: 391/416 tỉ lệ: 94%; 100% trẻ Hoàn thành chương trình GDMN

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Mầm non Diễn Lợi.

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử:
- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.,

HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Thu Minh